Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH SÓC TRĂNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1031 /QĐ-UBND | *Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 26/TTr-BQL ngày 17 tháng 5 năm 2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ 10 thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử *(kèm theo Danh mục)*.

**Điều 2.** Căn cứ Danh mục hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh làm cơ sở cho công chức tại Bộ phận một cửa của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chỉ đạo công chức thực hiện xử lý, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải)*;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

**Huỳnh Thị Diễm Ngọc**

# DANH MỤC
## THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1031 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

| STT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Tên thành phần hồ sơ | Mã số thành phần hồ sơ | Số Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Lĩnh vực Thương mại quốc tế (03 thủ tục)** | | | | |
| 1 | 2.000063.000.00.00.H51 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện | 000.00.00.G02-KQ2574 | Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. |
| 2 | 2.000347.000.00.00.H51 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Bản chính giấy phép thành lập Văn phòng đại diện | 000.00.00.G02-KQ2587 | |
| | | | Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện | 000.00.00.G02-KQ2585 | |
| 3 | 2.000314.000.00.00.H51 | Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội | 000.00.00.G02-KQ2591 | |
| | | | Danh sách người lao động và | 000.00.00.G02- | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động | KQ2592 | |
| | | | Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện | 000.00.00.G02-KQ2587 | |
| **II** | **Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (07 thủ tục)** | | | | |
| 1 | 1.009972.000.00.00.H51 | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh | Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu) | 000.00.00.G17-KQ002001 | Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. |
| 2 | 1.009973.000.00.00.H51 | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt | 000.00.00.G17-KQ002010 | |
| | | | Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây | 000.00.00.G17-KQ002014 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có). | | |
| 3 | 1.009974.<br>000.00.00.H51 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | Quyết định phê duyệt dự án | 000.00.00.G17-KQ002089 | |
| 4 | 1.009975.<br>000.00.00.H51 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | Quyết định phê duyệt dự án | 000.00.00.G17-KQ002095 | Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. |
| 5 | 1.009977.<br>000.00.00.H51 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo | Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp | 000.00.00.G17-KQ1658 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | | | |
| 6 | 1.009978.000.00.00.H51 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp | 000.00.00.G17-KQ1663 | Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. |
| 7 | 1.009979.000.00.00.H51 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát) | 000.00.00.G17-KQ1666 | |

| | |
|---|---|
| **III** | **Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam** (Không có thành phần hồ sơ phải số hóa đầu vào) |
| **IV** | **Lĩnh vực Lao động** (Không có thành phần hồ sơ phải số hóa đầu vào) |
| **V** | **Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước** (Không có thành phần hồ sơ phải số hóa đầu vào) |
| **VI** | **Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng** (Không có thành phần hồ sơ phải số hóa đầu vào) |